TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P

Bản án số: **203**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/06/2024
V/v "Xin ly hôn, trAh chấp nuôi con chung và chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn"

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIAG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **PhA Thị Cẩm Tiên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Trương Hoàng Hoa**
+ Ông **Nguyễn Quốc Thuần**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Trần Thị Huyền Trân -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Thành Khánh Duy –** Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 451/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn, trAh chấp nuôi con chung và chia tài sản vợ chồng khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2024 giữa các đương sự:

* <u>*Nguyên đơn*</u>: **Lê Thị K** – sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp ST, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg.

*<u>*Bị đơn:*</u> **Ngô Văn T** – sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp ST, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg.

Đại diện ủy quyền: **Lê T X** – sinh năm 1991;

Địa chỉ: Số 147/11/6 TTT, phường N, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền GiAg.

* <u>*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA*</u>:

- **Ngô Văn M** – sinh năm 1957;

- **Võ Thị M1** – sinh năm 1963;

Địa chỉ: ấp ST, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg.

- **Nguyễn Đình Th** – sinh năm 1975;

- **PhA Thị S** – sinh năm 1964 ;

Địa chỉ: ấp BC, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg.

- **Phạm Thị T1** – sinh năm 1973;

Địa chỉ: ấp NT, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg.

- **Đoàn Văn Ng** – sinh năm 1964;

Địa chỉ: ấp O, xã HT, huyện Châu Thành, tỉnh Long A.

- **Nguyễn Thị Mỹ L1** – sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp E, xã VC, huyện Châu Thành, tỉnh Long A.

(Chị K, Ah T, Ah X, bà M1, bà S và ông M có mặt; các đương sự còn lại xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị K trình bày: chị và Ah T sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã TBT. Quá trình chung sống hạnh P đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẩn do bất đồng quA điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần Ah T hành hung chị. Chị và Ah T ly thân từ tháng 03 năm 2022 đến nay. Trong thời giA ly thân, vợ chồng không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm với nhau. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với Ah T.

- Về con chung: có 03 cháu tên Ngô Văn A, sinh ngày 10/01/2008; Ngô Văn K1, sinh ngày 29/01/2014 và Ngô Văn P, sinh ngày 05/01/2020. Cháu A đAg sống với Ah T, cháu K1 và cháu P hiện đAg sống với chị, ly hôn chị đồng ý để Ah T nuôi cháu A, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu K1 và cháu P, không yêu cầu Ah T cấp dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi cháu A.

- Về tài sản chung: trong quá trình chung sống, chị và Ah T có tạo lập tài sản chung gồm:

+ Phần đất lúa diện tích 1.972,2m^2, thửa số 351, tờ bản đồ số 09, Sở tài nguyên và môi T tỉnh Tiền GiAg cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS26825 ngày 15/6/2018 cho Ngô Văn T và Lê Thị K. Trên đất hiện đAg trồng 260 gốc thAh long ruột đỏ. Đất tại ấp BC, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg.

+ Ngôi nhà ở diện tích 128,2m^2, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole, đỡ mái sắt và mái che diện tích 50,9m^2, kết cấu trụ sắt, đỡ mái sắt, mái tole, nền xi măng, không vách. Nhà và mái che cất trên phần đất diện tích 3.922m^2, số thửa 310, tờ bản đồ số 09, đất do ba mẹ chồng là ông Ngô Văn M và bà Võ Thị M1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngôi nhà ông M bà M1 cất cho chị và Ah T khi Ah chị cưới nhau về ra ở riêng. Sau đó, Ah chị tu bổ lại ngôi nhà và làm thêm mái che. Nhà, đất tại ấp ST, xã TBT, huyện Chợ Gạo.

Ly hôn, chị yêu cầu chia đôi phần đất diện tích 1.972,2m^2 và ngôi nhà, mái che. Đất chị yêu cầu hưởng hiện vật, nhà và mái che chị yêu cầu hưởng giá trị theo chứng thư thẩm định giá ngày 23/4/2024 của Công ty THHH Kiểm toán và tư vấn MKF Việt Nam. Tài sản trên đất gồm có 260 trụ thAh long, trụ thAh long trên đất được chia của người nào thì người đó hưởng, không yêu cầu giải quyết. Phần đất cất nhà và mái che của ông M, bà M1 và tài sản trong nhà chị không yêu cầu chia.

- Về nợ chung: chị và Ah T có nợ: chị Nguyễn Thị Mỹ L1 số tiền 29.681.000 đồng, ông Đoàn Văn Ng số tiền 31.509.000 đồng, chị Phạm Thị T1 số tiền 30.000.000 đồng, Ah Nguyễn Đình Th số tiền 11.559.200 đồng, Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Bến TrAh số tiền 150.000.000 đồng, bà PhA Thị S số tiền 122.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 24k.

Hiện nay số tiền nợ Ngân hàng và Ah Th, Ah T đã trả rồi, chị đồng ý hoàn lại cho Ah T ½ số tiền Ah T đã trả Ngân hàng và Ah Th.

Đối với số tiền nợ chị Phạm Thị T1, chị Nguyễn Thị Mỹ L1 và ông Đoàn Văn Ng, số tiền và vàng nợ bà PhA Thị S do chị T1, chị L1, bà S và ông Ng không yêu cầu nên chị không có ý kiến gì.

- Về nợ riêng: không có.

* Bị đơn Ah Ngô Văn T trình bày: Ah và chị K sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã TBT. Quá trình chung sống, Ah và chị K cũng có xảy ra mâu thuẫn. Chị K về nhà mẹ ruột sống từ tháng 03 năm 2022 đến nay. Nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm với nhau nên chị K ly hôn, Ah đồng ý.

- Về con chung: có 03 cháu tên Ngô Văn A, sinh ngày 10/01/2008; Ngô Văn K1, sinh ngày 29/01/2014 và Ngô Văn P, sinh ngày 05/01/2020. Cháu A đAg sống với Ah, cháu K1 và cháu P hiện đAg sống với chị K. Ly hôn Ah yêu cầu tiếp tục nuôi cháu A, đồng ý để chị K nuôi cháu K1 và cháu P, Ah không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ah và chị K có tài sản chung gồm phần đất lúa diện tích 1.972,2m^2, thửa số 351, tờ bản đồ số 09, Sở tài nguyên và môi T tỉnh Tiền GiAg cấp cho Ah Ngô Văn T và chị Lê Thị K ngày 15/06/2018. Trên đất hiện đAg trồng 260 gốc thAh long ruột đỏ. Đất tại ấp BC, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg. Ly hôn, Ah đồng ý chia đôi đất. Trụ thAh long trên đất được chia của người nào thì người đó hưởng, không yêu cầu giải quyết.

Đối với ngôi nhà cất trên phần đất của ông Ngô Văn M và bà Võ Thị M1 là do ông M, bà M1 cất cho vợ chồng ở nhờ khi ra ở riêng. Quá trình chung sống, Ah và chị K có tu bổ lại ngôi nhà là lát gạch, sơn tường và xây thêm mái che. Ah không đồng ý chia đôi ngôi nhà và mái che.

- Về nợ chung: Ah và chị K có nợ: chị Nguyễn Thị Mỹ L1 số tiền 29.681.000 đồng, ông Đoàn Văn Ng số tiền 31.509.000 đồng, chị Phạm Thị T1 số tiền 30.000.000 đồng, Ah Nguyễn Đình Th số tiền 11.559.200 đồng, Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch Bến TrAh số tiền

150.000.000 đồng. Hiện nay Ah đã trả số tiền nợ Ngân hàng và Ah Th, đồng ý chị K hoàn lại ½ số tiền Ah trả.

Đối với số tiền nợ chị Phạm Thị T1, chị Nguyễn Thị Mỹ L1 và ông Đoàn Văn Ng do chị T1, chị L1 và ông Ng không yêu cầu nên Ah không có ý kiến gì. Số tiền 122.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 24k nợ bà PhA Thị S thì Ah không biết.

- Về nợ riêng: không có.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA ông Ngô Văn M và bà Võ Thị M1 trình bày: ông bà là ba mẹ của Ah T, chị K vợ Ah T là dâu của ông bà. Vào năm 2005, Ah T, chị K cưới nhau. Đến năm 2006, ông bà có cất ngôi nhà cho vợ chồng Ah T chị K ra ở riêng, nhà vách tường chưa tô, nền xi măng, mái tole, tổng chi phí xây nhà là 150.000.000 đồng. Sau này vợ chồng cải tạo, tu bổ sửa chữa ngôi nhà và làm thêm mái che. Ngôi nhà, mái che cất trên phần đất của ông bà diện tích 3.922m^2, thửa số 310, tờ bản đồ số 09. Đất tại ấp ST, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg. Nay chị K và Ah T ly hôn, ông bà không có yêu cầu gì, ngôi nhà để lại cho các con của chị K và Ah T ở.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA bà PhA Thị S trình bày: bà là mẹ của chị K. Ah T, chồng chị K là con rể của bà. Vào năm 2012, chị K, Ah Trương có hỏi mượn bà số tiền 122.000.000 đồng để sữa nhà, chi tiêu trong gia đình. Ngoài ra, chị K Ah T có hỏi mượn bà 13 chỉ vàng 24k. Nay chị K, Ah T ly hôn, bà không yêu cầu trả tiền và vàng, để tự thỏa thuận.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA chị Nguyễn Thị Mỹ L1 trình bày: Ah T, chị K có mua phân bón, thuốc trừ sâu và nợ chị số tiền 29.681.000 đồng. Nay Ah T, chị K ly hôn, chị không yêu cầu trả số tiền nợ. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA chị Phạm Thị T1 trình bày: Ah T, chị K có mua phân bón, thuốc trừ sâu và nợ chị số tiền 30.000.000 đồng. Nay Ah T, chị K ly hôn, chị không yêu cầu trả số tiền nợ. Do bận công việc nên chị xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA Ah Nguyễn Đình Th trình bày: Ah T, chị K có thuê Ah xông điện thAh long số tiền 11.000.000 đồng. Vào năm 2023, Ah T đã trả tiền cho Ah. Do bận công việc nên Ah xin vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA ông Đoàn Văn Ng trình bày: Ah T, chị K có mua vật tư nông nghiệp của ông hiện còn nợ số tiền 31.509.000 đồng. Nay Ah T, chị K ly hôn, ông không yêu cầu trả số tiền nợ. Do bận công việc nên ông xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Về tình cảm: ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị K và Ah Ngô Văn T. Về con chung: giao cháu Ngô Văn A, sinh ngày

10/01/2008 cho Ah T nuôi dưỡng và chăm sóc; giao cháu Ngô Văn K1, sinh ngày 29/01/2014 và Ngô Văn P, sinh ngày 05/01/2020 cho chị K nuôi dưỡng và chăm sóc. Ah T, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị K và Ah Ngô Văn T như sau: Chị K, Ah T mỗi người được quản lý, sử dụng phần đất lúa diện tích 986,1m^2, thuộc thửa số 351, tờ bản đồ số 09, Sở tài nguyên và môi T tỉnh Tiền GiAg cấp cho Ah Ngô Văn T và chị Lê Thị K ngày 15/06/2018. Đất tại ấp BC, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg. Các trụ thAh long trên đất được chia của người nào thì người đó hưởng, không yêu cầu giải quyết. Ah T tiếp tục quản lý, sử dụng ngôi nhà ở diện tích 128,2m^2, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole, đỡ mái sắt và mái che diện tích 50,9m^2, kết cấu trụ sắt, đỡ mái sắt, mái tole, nền xi măng, không vách. Nhà và mái che cất trên phần đất diện tích 3.922m^2, số thửa 310, tờ bản đồ số 09, Ủy bA nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho hộ bà Võ Thị M1 và ông Ngô Văn M ngày 10/8/2011, đất tại ấp ST, xã TBT, huyện Chợ Gạo. Ah T có trách nhiệm trả các khoản nợ chung giữa chị K và Ah T trong thời kỳ hôn nhân. Về nợ: ông Đoàn Văn Ng, bà PhA Thị S, chị Nguyễn Thị Mỹ L1 và chị Phạm Thị T1 không yêu cầu Ah T, chị K trả số tiền nợ nên không xem xét. Về nợ riêng: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị K và Ah Ngô Văn T sống chung năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy bA nhân dân xã TBT nên hôn nhân của Ah chị là hôn nhân hợp pháp. Nay chị K yêu cầu ly hôn với Ah T và bị đơn Ah Ngô Văn T hiện cư trú trên địa bàn huyện Chợ Gạo nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quA hệ trAh chấp: Chị K yêu cầu ly hôn với Ah T, giải quyết vấn đề con chung và yêu cầu chia tài sản chung của Ah chị trong thời kỳ hôn nhân nên xác định đây là "TrAh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản vợ chồng khi ly hôn".

[3] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quA chị Phạm Thị T1, chị Nguyễn Thị Mỹ L1, Ah Nguyễn Đình Th và ông Đoàn Văn Ng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[4] Xét nội dung đơn yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[4.1] Về tình cảm: chị K yêu cầu ly hôn với Ah T. Nguyên nhân ly hôn chị K trình bày là do bất đồng quA điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Chị và Ah T ly thân từ tháng 03 năm 2022 đến nay, trong thời giA ly thân, Ah chị không có biện pháp nào gắn tình cảm nên chị yêu cầu ly

hôn với Ah T. Ah T đồng ý ly hôn với chị K nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị K và Ah Ngô Văn T.

[4.2] Về con chung: có 03 con chung tên Ngô Văn A, sinh ngày 10/01/2008; Ngô Văn K1, sinh ngày 29/01/2014 và Ngô Văn P, sinh ngày 05/01/2020. Ly hôn, Ah T và chị K thỏa thuận Ah T nuôi cháu A, chị K yêu cầu nuôi cháu K1 và cháu P. Xét thấy, cháu A hiện đAg sống với Ah T và tại biên bản lấy lời khai, cháu có nguyện vọng sống với ba, cháu K1, cháu P hiện đAg sống ổn định với chị K nên tiếp tục giao cháu A cho Ah T nuôi dưỡng, chăm sóc và giao cháu K1, cháu P cho chị K nuôi dưỡng, chăm sóc.

[4.3] Về cấp dưỡng: Chị K, Ah T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Ah chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên tòa, Ah T chị K thống nhất thỏa thuận như sau:

[5.2] Đối với phần đất lúa diện tích 1.972,2m^2, thửa số 351, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO640011, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS26825, Sở tài nguyên và môi T tỉnh Tiền GiAg cấp ngày 15/06/2018 cho Ah Ngô Văn T và chị Lê Thị K. Đất tại ấp BC, xã TBT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền GiAg.

Ah T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 986,1m^2 thuộc thửa 351, tờ bản đồ số 09 (ký hiệu T2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/02/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc Đông Hải); chị K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 986,1 m^2 thuộc thửa 351, tờ bản đồ số 09 (ký hiệu T1 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/02/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc Đông Hải). Ah T có nghĩa vụ giao diện tích đất nêu trên cho chị K ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Vị trí, kích thước của các phần đất chia cho các đương sự có sơ đồ đo đạc theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/02/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc Đông Hải kèm theo.

[5.2] Đối với trụ thAh long: Ah T, chị K không yêu cầu định giá và thống nhất Ah chị được hưởng bao nhiêu m^2 đất thì Ah chị sẽ được sở hữu bấy nhiêu trụ thAh long trên đất mà không phải hoàn lại giá trị trụ thAh long.

[5.3] Đối với ngôi nhà ở diện tích 128,2m^2, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole, đỡ mái sắt và mái che diện tích 50,9m^2, kết cấu trụ sắt, đỡ mái sắt, mái tole, nền xi măng, không vách. Nhà và mái che cất trên phần đất diện tích 3.922m^2, số thửa 310, tờ bản đồ số 09, Ủy bA nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho hộ bà Võ Thị M1 và ông Ngô Văn M ngày 10/8/2011, đất tại ấp ST, xã TBT, huyện Chợ Gạo. Chị K đồng ý giao Ah T tiếp tục quản lý, sử dụng.

[5.4] Đối với tài sản trong nhà, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị K, Ah T thống nhất là Ah chị có nợ Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện Chợ Gạo, ông Đoàn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Mỹ L1, chị Phạm Thị T1, Ah Nguyễn Đình Th. Ah T có trách nhiệm trả các khoản nợ trên. Tiền nợ Ngân hàng và Ah Nguyễn Đình Th, Ah T đã trả rồi. Ông Đoàn Văn Ng, chị Nguyễn Thị Mỹ L1, chị Phạm Thị T1 không có yêu cầu gì đối với khoản tiền nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này có trAh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[7] Đối với số tiền 122.000.000 đồng và 13 chỉ vàng 24 nợ bà PhA Thị S. Chị K trình bày đây là nợ chung của vợ chồng, Ah T không đồng ý vì không biết khoản nợ này. Bà S không có yêu cầu gì đối với khoản nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này có trAh chấp sẽ giải quyết trong vụ án khác.

[8] Đối với ông Ngô Văn M, bà Võ Thị M1 không có yêu cầu gì đối với phần đất Ah T, chị K đã cất nhà nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, phía chị K đã tạm ứng chi phí trích lục, thẩm định, đo đạc và định giá số tiền 16.900.000 đồng nên Ah T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị K số tiền 8.450.000 đồng theo Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Xét ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[11] Về án phí: chị K, Ah T phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 165, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Áp dụng các Điều 55, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị K.

[1] Về tình cảm: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị K và Ah Ngô Văn T.

[2] Về con chung: Giao cháu Ngô Văn A, sinh ngày 10/01/2008 cho Ah Ngô Văn T nuôi dưỡng và chăm sóc. Giao cháu Ngô Văn K1, sinh ngày 29/01/2014 và Ngô Văn P, sinh ngày 05/01/2020 cho chị Lê Thị K nuôi dưỡng và chăm sóc. Ah T, chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

[3] Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Lê Thị K và Ah Ngô Văn T như sau:

- Chị K được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 986,1 m^2 thuộc thửa 351, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO640011, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS26825, Sở tài nguyên và môi T tỉnh Tiền GiAg cấp ngày 15/06/2018 cho Ah Ngô Văn T và chị Lê Thị K. (ký hiệu T1 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/02/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc Đông Hải).

- Ah Ngô Văn T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 986,1m^2 thuộc thửa 351, tờ bản đồ số 09, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO640011, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CS26825, Sở tài nguyên và môi T tỉnh Tiền GiAg cấp ngày 15/06/2018 cho Ah Ngô Văn T và chị Lê Thị K (ký hiệu T2 theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/02/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc Đông Hải).

Vị trí, kích thước của các phần đất chia cho các đương sự có sơ đồ đo đạc theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 23/02/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn đo đạc Đông Hải kèm theo

Thời giA thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ah Ngô Văn T và chị Lê Thị K được quyền sở hữu các trụ trồng thAh long trên mỗi phần đất Ah chị được chia.

- Giao cho Ah Ngô Văn T tiếp tục sở hữu ngôi nhà ở diện tích 128,2m^2, kết cấu móng cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch ceramic, mái tole, đỡ mái sắt và mái che diện tích 50,9m^2, kết cấu trụ sắt, đỡ mái sắt, mái tole, nền xi măng, không vách. Nhà và mái che cất trên phần đất diện tích 3.922m^2, số thửa 310, tờ bản đồ số 09, Ủy bA nhân dân huyện Chợ Gạo cấp cho hộ bà Võ Thị M1 và ông Ngô Văn M ngày 10/8/2011, đất tại ấp ST, xã TBT, huyện Chợ Gạo.

Các đương sự được có quyền, nghĩa vụ liên hệ các cơ quA có thẩm quyền quản lý về đất đai để tiến hành các thủ tục cấp quyền sử dụng diện tích đất được chia như nêu trên theo nội dung Quyết định của Bản án này.

[4] Về chi phí tố tụng: Ah T có nghĩa vụ hoàn lại cho chị K số tiền 8.450.000 đồng đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và 14.472.000 đồng án phí chia tài sản chung. Tổng cộng chị K phải nộp 14.772.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.300.000 đồng theo biên lai số 0026370 và biên lai số 0026371 ngày 13/10/2023 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Chợ Gạo nên chị phải nộp tiếp 2.472.000 đồng.

Ah Ngô Văn T phải chịu 31.536.000 đồng án phí chia tài sản chung.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

T hợp bản án này được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án Dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Th hành án Dân sự, thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAD tỉnh Tiền GiAg;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Chi cục THADS huyện Chợ Gạo;
- UBND xã TBT;
- Ñöông söï;
- Löu hoà sô, án văn;

PhA Thị Cẩm Tiên